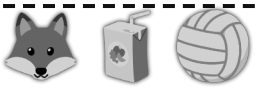
PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Review 2 · Unit 5–8 (SGK tr. 37–39)

Tuần 16



Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



□uestion



□quare



bo□



fo□



□uice

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

□uiz (câu đố vui) □uice (nước ép) □illage (làng)

□am (mứt)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

fox jam van quiz

1. He's doing a .....
2. Is there a .....?
3. Pass me the ....., please.
4. Can you draw a .....?

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. question	●	● a. cái hộp
2. box	●	● b. thạch
3. jelly	●	● c. xe tải nhỏ
4. van	●	● d. câu hỏi

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Is there a fox? – Yes, there □□□. (A) is (B) isn't
2. Can you draw a van? – No, I □□□. (A) can (B) can't
3. Từ nào bắt đầu bằng chữ v? (A) village (B) quiz (C) fox
4. Pass me the jam, □□□. (A) yes (B) please (C) no

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: van jam

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 16

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

? – **question** ⬛ – **square** 📦 – **box** 🦊 – **fox** 🧃 – **juice**

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

quiz (câu đố vui) **j**uice (nước ép) **v**illage (làng) **j**am (mứt)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. He's doing a **quiz**.

2. Is there a **fox**?

3. Pass me the **jam**, please.

4. Can you draw a **van**?

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (is) 2. **B** (can't) 3. **A** (village) 4. **B** (please)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

van jam

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án